TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 12 - 2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Nguyễn Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyen đơn: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ 03, ấp BP, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Võ Thanh C, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp BH, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Võ Thanh C yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân năm 2017, đến ngày 12/5/2020 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông C thường uống rượu về đánh đập bà nhiều lần mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được nên ông bà đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Giữa ông bà cảm thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Võ Bảo Khang, sinh ngày 04/01/2018 và Võ Bảo An, sinh ngày 08/04/2020. Hiện cả hai con chung đang sống với ông C. Do con còn nhỏ nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử bà Trúc thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung là do con đang sống với ông C và để ổn định tâm lý của con nên bà đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Thanh C vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại các lần mở phiên toà, không có văn bản trình bày kiến.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị Toà án xét xử theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến, quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: giao con cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

HĐXX thấy rằng, bà T và ông C đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bà T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay. HĐXX thấy rằng, quá trình chuẩn bị xét xử toà án đã thực hiện thủ tục hoà giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do, cũng như tại phiên toà hôm nay. Điều này thể hiện ông C không có thiện chí để toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tuy nhiên, bà T và ông C đã ly thân hơn một năm nay, điều này thể hiện ông C và bà T đã không thực hiện được tình nghĩa của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do đó, ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C là phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có hai con chung tên Võ Bảo Khang, sinh ngày 04/01/2018 và Võ Bảo An, sinh ngày 08/04/2020, hiện cả hai con chung đang sống với ông C. Bà T có nguyện vọng tiếp tục giao cả hai con chung cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX thấy rằng, từ lúc bà T, ông C ly thân đến nay cả hai con chung sinh sống ổn định với ông C. Vì vậy, để không bị ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống bình thường của trẻ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T giao con cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, bà T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không có cơ sở buộc thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không không yêu cầu giải quyết, ông C không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Mộng T ly hôn với ông Võ Thanh C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 12/05/2020 tại của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao Võ Bảo Khang, sinh ngày 04/01/2018 và Võ Bảo An, sinh ngày 08/04/2020 cho ông Võ Thanh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Trần Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C và các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Mộng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Trần Thị Mộng T đã nộp theo biên lai thu số: 0008918 ngày 06 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- UBND xã Bình Mỹ;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Văn Hoà